

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2019/HSST
Ngày: 05/8/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bé Lan Phương

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Duyên

Ông Lưu Danh Thùy

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Ma Ngọc Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2019/HSST ngày 17 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2019/QĐXXST-HS ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đối với bị cáo:

Ma Văn T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày: 02/9/1966 tại huyện N, tỉnh Cao Bằng; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm Đ, xã B, huyện N, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tại xã B, huyện N, tỉnh Cao Bằng; Đảng viên - Đảng cộng sản Việt Nam (Ngày 19/6/2019 đã có quyết định số 43-QĐ/UBKT của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy N về việc Đình chỉ sinh hoạt cấp ủy viên đối với đồng chí Ma Văn T, chức vụ: Đảng ủy viên, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Cao Bằng); Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Ma Văn D, sinh năm 1938; Con bà: Hoàng Thị C, sinh năm 1934, đều đã chết; Có 04 anh, em, bị cáo là con cả trong gia đình; Vợ: Nông Thị C, sinh năm 1970, trú tại Xóm Đ, xã B, huyện N, tỉnh Cao Bằng; Con: 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1994; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 05/01/2019; Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Triệu Thị Thanh T - sinh năm 1985;

Trú tại: tổ H, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng;
vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: buổi chiều ngày 06 tháng 12 năm 2018, Ma Văn T một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng, biển kiểm soát 11N1-017.1B đi từ nhà tại Xóm Đ, xã B, huyện N, tỉnh Cao Bằng để đến khu vực đường tròn N thuộc tổ N, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng để mua thức ăn chăn nuôi lợn. Mua xong, đến khoảng 16 giờ 30 cùng ngày thì quay trở về nhà. Khi đi qua cây ATM trước cổng Ngân hàng N Việt Nam chi nhánh tỉnh Cao Bằng tại Khu đô thị mới KmN, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng thì dừng xe lại để đi vào rút tiền. Tại đây T đã gặp bà Triệu Thị Thanh T vừa đi ra từ cây ATM. Sau đó T đi vào bên trong cây ATM để thực hiện giao dịch rút tiền. Khi T đưa thẻ ATM của mình vào khe nhận thẻ nhưng không được, nên T đã nhìn lên trên màn hình hiện thị thì thấy hiện dòng chữ “*bạn có muốn tiếp tục thực hiện giao dịch nữa không*”. Lúc này T biết trong cây ATM đang có thẻ của người khác nên T đã ấn nút “*có*” rồi ấn tiếp nút “*rút tiền*” và chọn số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Khi ấn xong thì thấy cây ATM trả ra tại khe nhận thẻ 01 (một) chiếc thẻ ATM màu xanh của Ngân hàng N mang tên Triệu Thị Thanh T có số thẻ lần lượt là 970405073426544N và tại khe trả tiền trả ra số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Nhận được tiền và thẻ, T đã cho toàn bộ vào trong ví cá nhân của mình rồi cho vào trong túi áo khoác và đi về nhà. Đến ngày 07 tháng 12 năm 2018 thì được Công an thành phố Cao Bằng triệu tập đến Trụ sở Ủy ban nhân dân xã B, huyện N để làm việc. Tại đây T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và tự nguyện giao nộp lại chiếc thẻ ATM cùng số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) gồm 06 (sáu) tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), 07 (bảy) tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), 04 (bốn) tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng), 04 (bốn) tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng) cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng.

Hành vi của Ma Văn T đã phạm vào tội trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại bản Cáo trạng số: 71/CT-VKSTP ngày 15/7/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Ma Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa bị cáo Ma Văn T khai nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xử mức án thấp nhất.

Kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Ma Văn T về tội danh, điều luật áp dụng như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, tuyên bị cáo Ma Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản, mức hình phạt

từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng; giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý và giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Triệu Thị Thanh T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm được đoàn tụ cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ cũng như hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và điều khoản xét xử: tại cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với đơn trình báo của người bị hại, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: hồi 16 giờ 44 phút ngày 06 tháng 12 năm 2018, tại cây rút tiền ATM trước cổng Ngân hàng N chi nhánh tỉnh Cao Bằng thuộc Khu đô thị mới KmN, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Ma Văn T đã có hành vi lén lút rút trộm lấy số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) từ thẻ ATM của bà Triệu Thị Thanh T.

Hành vi của bị cáo là cố ý, nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sự hiểu biết pháp luật, nhưng chỉ vì mục đích vụ lợi của bản thân nên đã lén lút lấy trộm số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) từ thẻ ATM của bà Triệu Thị Thanh T.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật

hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối hận; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Thời gian công tác tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội đồng nhân dân xã B, huyện N bị cáo đã có thành tích xuất sắc trong công tác và được tặng thưởng nhiều giấy khen, bằng khen; người bị hại Triệu Thị Thanh T có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] về hình phạt: căn cứ vào nhân thân của bị cáo, tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà vẫn đủ điều kiện để cải tạo giáo dục riêng cũng như phòng ngừa chung trong xã hội. Theo nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xét thấy, mức đề nghị hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đối với bị cáo là phù hợp nên cần được chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: trong đơn xin xét xử vắng mặt ghi ngày 02/8/2019, bà Triệu Thị Thanh T đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu hay đề nghị gì về phần trách nhiệm dân sự nên hội đồng xét xử không đặt ra việc xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 (một) thẻ màu xanh số 9704 0507 3426 544N mang tên Triệu Thị Thanh T và số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) thuộc sở hữu của bà Triệu Thị Thanh T. Số vật chứng trên đã được cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng trả lại cho chủ sở hữu để tiếp tục quản lý và sử dụng.

Việc xử lý vật chứng tại cơ quan điều tra là phù hợp với quy định của pháp luật, bị cáo, người bị hại không có ý kiến gì khiếu nại; do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra việc xem xét giải quyết.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước; bị cáo và người bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. *Tuyên bố*: bị cáo Ma Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Căn cứ: khoản 1 Điều 173, điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Ma Văn T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng được tính kể từ ngày tuyên án 05/8/2019.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Cao Bằng và gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. *Về trách nhiệm dân sự:* không đặt ra việc xem xét giải quyết.

3. *Về án phí:* áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Ma Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

4. *Về quyền kháng cáo:* áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bế Lan Phương